TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2018.
V/v: tranh chấp hợp đồng thuê tài sản trong lĩnh vực xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Văn Thuận

Các hội thẩm nhân dân:- Bà Nguyễn Thị Cờ

- Ông Nguyễn Hải Phùng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên Tòa: Bà Lê Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 77/2017/TLST-KDTM ngày 30/10/2017 về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2018/QĐXXST-KDTM ngày 23/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 147 ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; Địa chỉ: Số C, phường D, quận E, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Khắc N (giấy ủy quyền số 99 ngày 20/6/2016) Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty H; Địa chỉ: Phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H – Giám đốc (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty A trình bày:

Ngày 19/7/2013, Công ty T có giao kết hợp đồng kinh tế số 19713/2013/HĐKT với Công ty H về việc cho thuê, nhổ cừ larsen phục vụ công trình tại K, Hà Nội. Thực hiện công việc theo nội dung hợp đồng nêu trên, Công ty T đã cho Công ty H thuê 137 cây, tương ứng với 1060.38md. Đơn giá 1650 đồng/ md. Ngày bắt đầu bàn giao là ngày 19/7/2013; ngày kết thúc là ngày 20/4/2015; tổng số ngày thuê là 640 ngày. Sau đó công ty T tiến hành nhổ toàn bộ cọc cừ trên với đơn giá 40.000 đồng/md. Tổng giá trị công nợ phát sinh giữa Công ty T với Công ty H là 1.162.176.480 đồng. Do có sự nhầm lẫn trong quá trình tính toán nên Công ty T chốt số nợ gốc với Công ty H là 1.156.927.599 đồng.

Thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Công ty H đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 202.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 14/2/2015 thanh toán được 40.000.000 đồng;

- Ngày 10/4/2015 thanh toán được 12.000.000 đồng;

- Ngày 28/10/2015 thanh toán được 150.000.000 đồng.

Như vậy số công nợ gốc Công ty H còn phải thanh toán cho Công ty T là 960.176.480 đồng.

Nay, Công ty T chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc mà hai bên đã chốt nợ là 9.54.927.599 đồng; tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền 954.927.599 đồng với lãi suất 13%/năm.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty H thanh toán tiền nợ gốc là 954.927.599 đồng và lãi suất là 10%/năm trên số nợ gốc 954.927.599 đồng; thời gian tính lãi từ ngày 26/4/2015 đến ngày 28/11/2018 là 343.250.688 đồng.

Tại các biên bản ngày 13/4/2018 và ngày 12/6/2018 thể hiện nội dung:

Công ty H đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng đại diện Công ty H không đến lần thứ nhất. Lần thứ hai triệu tập, đại diện Công ty H có đến nhưng từ chối làm bản tự khai và không có ý kiến trình bày gì với Tòa án sau đó tự ý bỏ về. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của phía bị đơn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn cần có ý thức nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật về tham gia tố tụng hơn nữa. Về thời hạn xét xử vụ án chưa đảm bảo đúng quy định của pháp

luật là do các đương sự không thực hiện nghĩa vụ của mình tham gia tố tụng. Vì vậy, vụ án quá thời hạn luật định là do khách quan.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định về nội dung hợp đồng kinh tế hạng mục thuê và nhổ cừ larsen và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T buộc Công ty H phải trả số tiền nợ gốc là 954.927.599 đồng. Chấp nhận yêu cầu tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc.

Về án phí: Công ty H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng như lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Theo đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Tòa án xét thấy đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền thuê tài sản và thực hiện công việc còn nợ theo hợp đồng kinh tế giữa Công ty T và Công ty H là các đơn vị được thành lập theo luật doanh nghiệp, nên đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Công ty T đã làm đơn khởi kiện Công ty H đến Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 319 Luật Thương mại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

[2] Về nội dung: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 19713/2013/HĐKT giữa Công ty T và Công ty H ngày 19/7/2013; Biên bản thỏa thuận về việc giải quyết công nợ tồn đọng ngày 28/10/2015. Quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 19713/2013/HĐKT, Công ty H đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 202.000.000 đồng. Số tiền còn lại 954.927.599 đồng Công ty H chưa thanh toán cho Công ty T.

[3] Xét yêu cầu của Công ty T yêu cầu Công ty H thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc còn nợ lại là số tiền nợ gốc là 954.927.599 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết tại Tòa án, Công ty T đã đưa ra các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Công ty H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và đến cũng không đưa ra ý kiến về nội dung khởi kiện của

Công ty T. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, việc Công ty T yêu cầu Công ty H thanh toán trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo điều 5 của hợp đồng số 19713/2013/HĐKT mà hai bên đã ký kết thì chậm nhất sau 05 ngày, Công ty H phải thanh toán nốt số tiền còn lại theo quyết toán thực tế được hai bên ký xác nhận. Như vậy, ngày 20/4/2015 Công ty T đã nhổ toàn bộ cọc cừ và yêu cầu thanh toán nhưng Công ty H vẫn không thanh toán số tiền còn thiếu là 1.104.927.599 đồng. Mặc dù trong hợp đồng mà hai bên ký kết không thỏa thuận lãi suất trong trường chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP thì bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đủ theo thỏa thuận phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng M nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng thời gian chậm thanh toán. Theo đó, Công ty T yêu cầu Công ty H phải chịu lãi suất 10%/năm trên số tiền 954.927.599 đồng, từ ngày 26/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 343.250.688 đồng là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Do Công ty T được chấp nhận yêu cầu buộc Công ty H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 954.927.599 đồng và lãi phát sinh 343.250.688 đồng nên theo quy định tại tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với mức thu là: (36.000.000đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào quy định tại Điều 281, Điều 290, Điều 480, Điều 481, Điều 482, Điều 484, 489, 490, 491 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Công ty H.

Buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là: 954.927.599 đồng, lãi là 343.250.688 đồng. Tổng cộng là 1.298.178.287 đồng.

Về án phí: Buộc Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 50.945.348 đồng.

Hoàn trả Công ty T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là: 20.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006340 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND quận Đống Đa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Văn Thuận